

## SPECIAL SUBJECT 1

## NOUNS

## COUNTABLE NOUNS

**VOCABULARY:** Bấm vào từ Tiếng Anh để nghe phát âm và đọc theo.

Viết nghĩa tiếng việt ở cột (VIETNAMESE MEANING)

| ENGLISH WORDS   | PRONUNCIATION        | VIETNAMESE MEANING |
|-----------------|----------------------|--------------------|
| Countable Nouns | 'kauntəbl naun       | Danh từ đếm được   |
| Cat (n)         | kæt                  |                    |
| Hour (n)        | 'aʊə                 |                    |
| Husband (n)     | 'hʌzbənd             |                    |
| Cloud (n)       | klaʊd                |                    |
| Tomato (n)      | tə'mɑ:təʊ; tə'meɪtəʊ |                    |
| Orange (n)      | 'ɒrɪndʒ              |                    |
| Umbrella (n)    | ʌm'brelə             |                    |
| Biscuit (n)     | 'bɪskɪt              |                    |
| Chip (n)        | tʃɪp                 |                    |
| Exercise (n)    | 'eksəsaɪz            |                    |
| City (n)        | 'sɪti                |                    |
| Country (n)     | 'kʌntri              |                    |
| Village (n)     | 'vɪlɪdʒ              |                    |
| Wife (n)        | 'waɪf                |                    |
| Knife (n)       | naɪf                 |                    |
| Shelf (n)       | ʃelf                 |                    |
| Tooth (n)       | tu:θ                 |                    |
| Foot (n)        | fʊt                  |                    |
| Brush (n)       | brʌʃ                 |                    |
| Watch (n)       | wɒtʃ                 |                    |
| Man (n)         | mæn                  |                    |
| Woman (n)       | 'wʊmən               |                    |

**Exercise 1. Choose all the NOUNS in each sentence.****(Chọn tất cả các DANH TỪ trong mỗi câu)**

1. The dog chased the cat under the porch.
2. The Titanic sank in a few hours; many husbands and wives were separated.
3. The ocean was calm, and the clouds were beautiful.
4. In small villages, canneries prepare seafood for shipment to Japan.
5. Storms make life on the water dangerous.

**Exercise 2. Fill in the gaps with "a/ an/ some".****(Hoàn thành chỗ trống với "a/ an/ some")**

1. Can I have \_\_\_\_\_ biscuits and \_\_\_\_\_ apples, please?
2. I'd like \_\_\_\_\_ tomatoes and \_\_\_\_\_ eggs, please?
3. Would you like \_\_\_\_\_ orange or \_\_\_\_\_ pear?
4. Do you want \_\_\_\_\_ chips with your chicken?
5. Do we need to buy \_\_\_\_\_ umbrella? It's going to rain.
6. I'd like \_\_\_\_\_ egg and \_\_\_\_\_ cereals for breakfast.
7. He took \_\_\_\_\_ hour to do this exercise.

**Exercise 3. Find the NOUN and correct the mistakes.****(Tìm danh từ và sửa lỗi sai)**

1. These carrot are sweet. \_\_\_\_\_carrots\_\_\_\_\_
2. I'd like to cut some pear for this salad. \_\_\_\_\_
3. There are some student in the class. \_\_\_\_\_
4. There are four sandwich in the fridge. \_\_\_\_\_
5. You can take five tomato from the basket. \_\_\_\_\_
6. There is a books on the table \_\_\_\_\_
7. There are some knife in the kitchen. \_\_\_\_\_
8. There are three toothbrush in the bathroom. \_\_\_\_\_